

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22/6/2020
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi và ông Phan Sỹ Phác.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 08/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1980, có mặt.

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

2. Bị đơn: Anh L, sinh năm 1978, vắng mặt.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Nơi sinh sống: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 12/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T trình bày:

Chị T và anh L kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông vào ngày 03/1/2006. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03/2006, quyền số 04.

Trong thời gian chung sống, anh L và chị T có 02 con chung; Cháu V, sinh ngày 10/11/2006 và cháu H, sinh ngày 13/3/2011, hiện nay các cháu đang ở với chị T. Cháu V hiện đang học lớp 08, trường U xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, cháu H học lớp 3 trường B xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn và sống hạnh phúc một thời gian. Từ năm 2010 đến đầu năm 2020, anh L thường xuyên uống rượu, gây sự với vợ con và đánh đập vợ con, không lo làm ăn chỉ chơi bời và uống rượu. Chị T đã nói chuyện với anh L rất nhiều lần để thay đổi cách sống vì vợ con, nhưng anh L hứa rất nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Từ đó dẫn đến vợ chồng có khoảng cách, không có trách nhiệm với nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không dành thời gian trò chuyện, quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người có cuộc sống của riêng mình. Giữa vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau, cả hai xác định không thể hòa hợp nên đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay, hai người không còn liên lạc và sống hai nơi khác nhau nên chị T có nguyện vọng ly hôn.

Nay chị T yêu cầu giải quyết: Xin được ly hôn với anh L. Con chung: Chị T xin nuôi cháu V - sinh ngày 10/11/2006, cháu H – sinh ngày 13/3/2011. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tiến hành triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đến đầu tháng 02/2020, nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới và qua xác minh anh L đã chuyển về và sinh sống với bà S (mẹ đẻ của anh L) tại Thôn X, xã Đ, huyện Đ tỉnh Đắk Nông từ tháng 02/2020.

Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải, Thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh L nhưng vẫn vắng không có lý do, cố tình trốn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Duy chỉ, bị đơn anh L không chấp hành theo quy định của pháp luật, cố tình vắng mặt không có lý do, anh L tự tước quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn và giải quyết cho chị T được ly hôn với anh L (chấm dứt quan hệ hôn nhân). Giao cháu V và cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng, tài sản và công nợ do nguyên đơn không yêu cầu. Buộc Chị T chịu án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn chị T và bị đơn anh L, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh

Đắc Nông và sinh sống tại Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh L: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải, Thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa thông qua bà S (mẹ đẻ của anh L). Qua làm việc với bà S, bà S cho biết: Do anh L đi làm rẫy nên bà nhận thay và đã giao đủ các giấy tờ của Tòa án tổng đạt cho anh L, ngoài ra bà S đã động viên anh L ra Tòa làm việc để giải quyết xong vụ án xin ly hôn với chị T, nhưng anh L nói “Không ra tòa để làm việc, chị T muốn ly hôn thì tự đi làm thủ tục ly hôn”. Việc vắng mặt của anh L không có lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh L là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh L đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phán bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, anh L phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Về hôn nhân: Chị T và anh L xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông vào ngày 03/01/2006 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03/2006. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp.

[5] Về mâu thuẫn: Anh L và chị T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, do anh L thường xuyên uống rượu, gây sự và đánh đập vợ con, hai bên không có tiếng nói chung, hiện nay anh L và chị T đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay.

[5.1] Qua làm việc với cháu V và cháu V, các cháu đều thừa nhận anh L thường xuyên uống rượu và đánh đập chị T trước mặt các cháu. Qua xác minh tại địa phương, anh L và chị T đã sống ly thân từ tháng 02/2020.

[5.2] Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh L đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn và cho chị T được ly hôn với anh L.

[6] Con chung: Theo đơn khởi kiện, chị T xin được quyền nuôi dưỡng cháu H, sinh ngày 13/3/2011 và đồng ý giao cháu V, sinh ngày 10/11/2006 cho anh L nuôi dưỡng, không yêu cầu và không cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, do anh L vắng mặt và không đưa ra quan điểm về con cái, nên chị T xin được nuôi hai cháu, ngoài ra cháu V và cháu H có nguyện vọng được

ở với chị T, cần tạo điều kiện cho các cháu ổn định chỗ ăn ở và học hành, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu V và cháu H cho chị T được quyền nuôi dưỡng.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân gia đình.

[8] Tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Không có.

[9] Án phí DSST: Chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T ly hôn với anh L (chấm dứt hôn nhân).

2. Về con chung: Giao cháu V, sinh ngày 10/11/2006 và cháu H, sinh ngày 13/3/2011 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành. Anh L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

2.1 Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu.

3.1. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84, 107, 110, 116 Luật HNGĐ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001850 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đức Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hồng Duy